

Bản án số: 77/2024/DS-ST
Ngày 04-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ta Thị Yên N, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số C T, khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Bà Châu Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A đường C, Khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người đại diện hợp pháp của bà L1:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1993. (có mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Số B D đường P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2023, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ta Thị Yên N trình bày:

Bà N và bà Châu Thị L quen biết nhau, bà L có mở nhiều dây hụi, bà N thấy bà L thanh toán đầy đủ nên bà N tham gia chơi, cụ thể:

Dây hội ngày 06/4/2022 [A1](#), loại hội 5.000.000 đồng, 15 ngày khai hội 1 lần, bà [N](#) tham gia 03 chân, hội mở được 22 kỳ, bà [N](#) đóng hội được 330.000.000 đồng, đến ngày 06/4/2023 là mãn hội. Ngày 28/02/2023AL (nhằm ngày 19/3/2023 Dương lịch) bà [L](#) trốn khỏi nơi cư trú, nếu đóng mãn hội là 27 kỳ, bà [L](#) nợ bà [N](#) dây hội này là 330.000.000 đồng.

Dây hội ngày 12/6/2022 A1 loại hội 10.000.000 đồng, hội 1 tháng khai 1 lần, bà [N](#) tham gia 02 chân, hội mở được 09 kỳ, bà [N](#) đóng hết 180.000.000 đồng, đến ngày 12/10/2023 là mãn hội, ngày 28/02/2023AL (nhằm ngày 19/3/2023 Dương lịch) bà [L](#) trốn khỏi nơi cư trú, nếu mãn hội là 18 kỳ và bà [L](#) còn nợ bà [N](#) số tiền 180.000.000 đồng.

Đến ngày 28/02/2023Al khi bà [Châu Thị L](#) bỏ trốn khỏi nơi cư trú còn nợ bà [N](#) 05 chân hội với tổng số tiền là 510.000.000 đồng (năm trăm mười triệu đồng).

Loại hội bà chơi là hội hoa hồng, thật sự bà đóng tiền hội thì không đến số tiền 510.000.000 đồng. Dây hội 5.000.000 đồng bà đóng được số tiền gốc 237.660.000 đồng tiền gốc, dây hội 10.000.000 đồng bà đóng được số tiền 129.600.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng đã đóng được số tiền 367.200.000 đồng. Nhưng bà yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền 510.000.000 đồng vì thỏa thuận ban đầu là hội hoa hồng, chơi thì phải có lãi. Chân hội 5.000.000 đồng 27 hội viên tham gia, chân hội 10.000.000 đồng có 18 hội viên tham gia, việc bà đóng hội cho bà [L](#) thì có khi đóng tiền mặt có khi chuyển khoản cũng có một số hội viên chứng kiến như bà [Phan Ngọc Y](#), bà [Phan Ngọc C](#), bà [Lê Thị Thanh S](#)

Nay bà [Ta Thị Yên N](#) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà [Châu Thị L](#) trả lại cho bà [N](#) tổng số tiền là 510.000.000 đồng (năm trăm mười triệu đồng) và tính lãi suất theo [ngân hàng N1](#) quy định từ ngày bà [L](#) bỏ trốn (tức ngày 28/02/2023AL, nhằm ngày 19/3/2023 dương lịch) đến nay là 10 tháng lãi suất tạm tính là 1% một tháng 510.000.000 đồng x 10 tháng = 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng). Tổng cộng lãi và vốn là 561.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi một triệu đồng).

Tại phiên tòa bà [N](#) xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà [L](#) thanh toán số tiền vốn của hai dây hội trên là 510.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà [N](#) không đồng ý hòa giải thành tại Tòa, yêu cầu bà [L](#) trả ngay cho bà số tiền 510.000.000 đồng.

- Tại phiên hòa giải ngày 03/5/2024, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà [Châu Thị L](#) là ông [Trần Văn Đ](#) trình bày:

Ông thừa nhận bà [L](#) có làm chủ hội của các dây hội mà nguyên đơn yêu cầu, dây hội 5.000.000 đồng có 27 hội viên tham gia, dây hội 10.000.000 đồng có 18 hội viên tham gia. Đối với dây hội 5.000.000 đồng bà [N](#) trình bày đóng được số tiền gốc 237.660.000 đồng tiền gốc tương đương 22 kỳ, dây hội 10.000.000 đồng bà [N](#) đóng được số tiền 129.600.000 đồng tiền gốc tương đương 09 kỳ. Tổng cộng bà [N](#) đã đóng được số tiền 367.200.000 đồng tiền gốc thì ông cũng thống nhất. Nếu tính luôn tiền lãi của hai dây hội trên thì bà [N](#) được lĩnh số tiền 510.000.000 đồng,

nếu bà **N** đồng ý hòa giải thành hôm nay và cho bà **L** một thời gian để trả nợ thì bà **L** đồng ý trả cho bà **N** số tiền 510.000.000 đồng còn nếu bà **N** không đồng ý hòa giải thành tại tòa thì bà **L** chỉ đồng ý trả cho bà **N** số tiền gốc của hai dây hụi trên với số tiền 367.200.000 đồng. Tại phiên tòa bà **N** không yêu cầu bà **L** trả số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thì ông cũng đồng ý.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà **Châu Thi L** là ông **Trần Văn Đ** thừa nhận bà **L** có làm chủ hụi của các dây hụi mà nguyên đơn yêu cầu, dây hụi 5.000.000 đồng có 27 hụi viên tham gia, dây hụi 10.000.000 đồng có 18 hụi viên tham gia. Đối với dây hụi 5.000.000 đồng bà **N** trình bày đóng được số tiền gốc 237.660.000 đồng tiền gốc tương đương 22 kỳ, dây hụi 10.000.000 đồng bà **N** đóng được số tiền 129.600.000 đồng tiền gốc tương đương 09 kỳ. Tổng cộng của hai dây hụi đã đóng được số tiền 367.200.000 đồng tiền gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ hụi và bị đơn có nơi cư trú tại **thành phố S, tỉnh Sóc Trăng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn bà **N** xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà **L** trả tiền của hai dây hụi trên với số tiền 510.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy, việc thay đổi một phần

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa bà Châu Thị L và bà Ta Thị Yến N có giao kết hợp đồng góp hụi ngày 06/4/2022 A, loại hụi 5.000.000 đồng, 15 ngày khai hụi 1 lần, bà N tham gia 03 chân, hụi mở được 22 kỳ, bà N đóng hụi sống được 22 kỳ, đến ngày 06/4/2023 là mãn hụi, nhưng ngày 28/02/2023 A (nhằm ngày 19/3/2023 dương lịch) bà L trốn khỏi nơi cư trú và dây hụi ngày 12/6/2022 A1 loại hụi 10.000.000 đồng, hụi 1 tháng khai 1 lần, bà N tham gia 02 chân, hụi mở được 09 kỳ, bà N đóng hụi sống được 09 kỳ, đến ngày 12/10/2023 là mãn hụi nhưng ngày 28/02/2023A1 bà L trốn khỏi nơi cư trú. Xét thấy, đây là hụi có lãi, từ khi mở hụi đến ngày bà L bỏ trốn khỏi nơi cư trú (chấm dứt hụi) là ngày 28/02/2023A1. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bà N đã đóng đủ tiền hụi sống của dây hụi ngày 06/4/2022 A và dây hụi ngày 12/6/2022 A1, đến ngày hụi chấm dứt là ngày 28/02/2023A1 (là do bà L bỏ trốn). Do đó, bà N được hưởng tiền lãi của các kỳ mở hụi trước ngày bà L bỏ trốn bằng với số tiền đã thỏa thuận của mỗi dây hụi, tức là dây hụi ngày 06/4/2022 A, bà N tham gia 03 chân, mỗi chân là 5.000.000 đồng, hụi mở được 22 kỳ, tương đương số tiền (5.000.000 đồng x 22 kỳ) x 3 chân = 330.000.000 đồng; dây hụi ngày 12/6/2022 A1, bà N tham gia 02 chân, mỗi chân là 10.000.000 đồng, hụi mở được 09 kỳ tương đương số tiền (10.000.000 đồng x 9 kỳ) x 02 chân = 180.000.000 đồng. Tổng cộng hai dây hụi là: 330.000.000 đồng + 180.000.000 đồng = 510.000.000 đồng. Vì vậy, bà N yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán cho bà tiền hụi còn nợ của hai dây hụi trên là có căn cứ và phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí trên trên phần có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của **Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 95, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1, Điều 244, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu phường; Khoản 2 Điều 26 của **Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ta Thị Yên N.
2. Buộc bị đơn bà Châu Thị L có trách nhiệm trả cho bà Ta Thị Yên N tiền nợ hộ tính đến ngày 28/02/2023 A (nhằm ngày 19/3/2023) số tiền 510.000.000 đồng.
3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ta Thị Yên N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Ta Thị Yên N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.220.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001394 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Bị đơn bà Châu Thị L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 24.400.000 đồng.
4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Ta Thị Yên N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Châu Thị L phải trả lãi cho bà Ta Thị Yên N theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.
5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền

